

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Thanh Tâm  
2. Ông Nguyễn Thế Nam.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Lê Ngọc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: tổ 13, ấp S, xã Tr, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: tổ 13, ấp S, xã Tr, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị H, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-10-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên hòa giải nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận chị và chồng là anh Nguyễn Quốc N tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/6/2008.

Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, anh N không quan tâm, chăm sóc vợ con nên dẫn đến tình cảm

vợ chồng phai nhạt. Khoảng tháng 6/2021, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết nên nguyên đơn đã cùng các con đến thuê phòng trọ tại xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai sinh sống từ đó cho đến nay. Từ khi nguyên đơn cùng các con bỏ đi, thỉnh thoảng anh N ghé thăm con, vợ chồng cũng nói chuyện hàn gắn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc N.

Về con chung: Theo chị H vợ chồng có 03 (ba) người con là Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017. Hiện, các con đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Theo nguyên đơn, vợ chồng không có nợ chung.

*Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải bị đơn trình bày, tranh luận của bị đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn thừa nhận, quá trình xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H đúng như chị H đã trình bày, vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/6/2008.

Do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng xảy ra Nều mâu thuẫn, tuy không lớn nhưng thời gian kéo dài, nguyên nhân là do anh N ít quan tâm, chăm sóc vợ con. Nay, vợ chồng đã không còn chung sống dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh N nhận thấy không còn khả năng đoàn tụ nhưng do anh là người theo đạo Thiên chúa nên không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Theo anh N vợ chồng có 03 (ba) người con là Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N đồng ý giao 03 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo bị đơn, vợ chồng không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Theo bị đơn, vợ chồng không có nợ chung.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh N; về con: Đề nghị giao các con Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc N và tranh chấp về nuôi con Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Quốc N có nơi cư trú tại: Tổ 13, ấp Bàu Sầm, xã Bàu Trâm, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị H, anh N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02-6-22008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên hòa giải, cả nguyên đơn và bị đơn thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tuy không lớn nhưng thời gian kéo dài, nguyên nhân là do anh N không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ tháng 6/2021 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh N cho rằng vợ chồng cũng không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn nhưng do anh là người theo đạo Thiên chúa nên không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Xét mâu thuẫn gia đình anh N, chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh N, chị H thừa nhận vợ chồng có 03 (ba) người con là Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017. Từ khi vợ chồng không còn sống chung, con sinh sống ổn định cùng chị H. Chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Tại phiên hòa giải, anh N cũng đồng ý giao 03 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Ngọc Thảo V và Nguyễn Ngọc Phương V cũng có nguyện vọng ở với chị H. Do đó, yêu cầu của chị H về việc được tiếp tục nuôi dưỡng con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 70 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: chị H, anh N khai không có, nên không xem xét;

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Quốc N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Nguyễn Quốc N ly hôn.

2. *Về con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh ngày 11/7/2009, Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 24/02/2013 và Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 24/9/2017 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản*: Chị H, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị H, anh N khai không có, nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005047 ngày 19-10-21 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Long Khánh;
- Chi cục THA thành phố Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (số 27/2008, ngày 02-06-2008, để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Đào**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tổ**

